TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 119/2024/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 03 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Phạm Công H, sinh năm 199x

CCCD số: 06409301XXXX; cấp ngày: 19/12/2022.

Địa chỉ: 18x/1 Phạm Văn Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 199X.

CCCD số: 06419100XXXX; cấp ngày: 21/9/2022.

Địa chỉ: 5x Nguyễn Thái H, thành phố P, tỉnh Gia Lai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26/3/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Công H và chị Nguyễn Thị Phương T thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Anh Phạm Công H và chị Nguyễn Thị Phương T có 01 con chung là Phạm Uy L, sinh ngày 06/12/2022. Ly hôn, các đương sự thỏa thuận thống nhất giao cháu L cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh H và chị T tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000[đ] *(Ba trăm ngàn đồng),* anh H, chị T tự nguyện chịu toàn bộ để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Công H và chị Nguyễn Thị Phương T thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Công H và chị Nguyễn Thị Phương T có 01 con chung là Phạm Uy L, sinh ngày 06/12/2022. Ly hôn, các đương sự thỏa thuận thống nhất giao cháu L cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh H và chị T tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H, chị T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tiền lệ phí: Tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000^{đ} *(Ba trăm ngàn đồng)*, anh H, chị T tự nguyện chịu toàn bộ để sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0001345 ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh H, chị T đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường Thống N, thành phố Pu, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 38, ngày 20/7/2022);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Tiến